

## PHẦN 2: ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CƠ BẢN

### I. PHÂN TÍCH CƠ BẢN

**PHÂN TÍCH CƠ BẢN** là phương pháp đánh giá giá trị nội tại của một cổ phiếu dựa trên các yếu tố tài chính và phi tài chính liên quan đến doanh nghiệp, ngành và vĩ mô, nhằm xác định cổ phiếu đang bị định giá thấp (cơ hội mua) hoặc định giá cao (cần tránh hoặc bán).

#### 1. PHÂN TÍCH VĨ MÔ

- **Các chỉ số vĩ mô:** GDP, lạm phát, tỷ giá, tổng mức bán lẻ,...
- **Chính sách tiền tệ:** lãi suất điều hành, tăng trưởng tín dụng
- **Chính sách tài khóa:** chi tiêu chính phủ, thuế

#### 2. PHÂN TÍCH NGÀNH

Phân tích ngành giúp nhà đầu tư có **cái nhìn toàn diện về môi trường kinh doanh tổng thể** mà doanh nghiệp đó đang hoạt động thay vì chỉ nhìn vào doanh nghiệp.

#### 3. PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BCTC cung cấp thông tin về tình trạng tài chính, kết quả hoạt động và dòng tiền lưu chuyển của doanh nghiệp sau mỗi kỳ kinh doanh. Phân tích BCTC là quá trình sử dụng các công cụ và kỹ thuật phân tích để xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu trên BCTC, từ đó đánh giá về tình hình tài chính hiện tại cũng như dự báo về tình hình tài chính tương lai của doanh nghiệp.

#### 3 loại BCTC phổ biến:

- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** cung cấp thông tin về **Tài sản, Nguồn vốn (Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu)** của doanh nghiệp **tại một thời điểm**.
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** phản ánh một cách tổng quát về **tình hình và kết quả kinh doanh** của doanh nghiệp **trong một thời kỳ nhất định**, giúp nhà đầu tư đánh giá hiệu quả việc sử dụng chi phí để tạo ra doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** trình bày các dòng tiền thu về và các dòng tiền đã chi ra của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

#### Các chỉ số tài chính cơ bản

**EPS** (Earning per share) – Lợi nhuận trên một cổ phiếu: Phản ánh giá trị Lợi nhuận sau thuế tính trên mỗi cổ phiếu đang lưu hành.

$$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Tổng số cp thường đang lưu hành}$$

**P/E** (Price to earnings ratio) - Chỉ số giá trên lợi nhuận một cổ phiếu: Đo lường mối quan hệ giữa giá thị trường (P) và Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS), phản ánh các nhà đầu tư chấp nhận trả gấp bao nhiêu lần lợi nhuận trên một cổ phiếu của công ty để có được cổ phiếu đó.

$$P/E = (\text{Giá cổ phiếu trên thị trường}) / (\text{Lợi nhuận trên một cổ phiếu})$$

**Giá trị sổ sách:** Lấy giá trị thuần của doanh nghiệp (tổng tài sản trừ tổng nợ) chia cho số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành, ta sẽ có giá trị sổ sách của mỗi cổ phần.

**P/B** (Price-to-book ratio) = Giá thị trường/ Giá trị sổ sách. P/B giúp nhà đầu tư đánh giá xem cổ phiếu đang được định giá cao hay thấp so với giá trị sổ sách của công ty.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU PHỔ BIẾN

### 1. Phương pháp Chiết khấu dòng tiền

Chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp trong tương lai về hiện tại để xác định giá trị cổ phiếu

### 2. Phương pháp định giá tương đối

- Phương pháp P/E (Price to earnings ratio): So sánh P/E của cổ phiếu với P/E trung bình ngành. P/E thấp hơn trung bình ngành có thể cho thấy cổ phiếu đang bị định giá thấp.
- Phương pháp P/B (Price-to-book ratio): So sánh P/B của cổ phiếu với P/B trung bình ngành. P/B thấp hơn trung bình ngành có thể cho thấy cổ phiếu đang bị định giá thấp.

## So sánh giá thị trường của cổ phiếu và định giá cổ phiếu theo PTCB

| Tiêu chí  | Giá thị trường  | Giá trị định giá (phân tích cơ bản)  |
|---|---|--|
| Nguồn gốc   | Do cung cầu thị trường quyết định   | Nhà đầu tư/nhà phân tích tính toán   |
| Cách xác định                                       | Rất dễ – chỉ cần xem bảng giá   | Phức tạp – cần phân tích số liệu   |
| Ảnh hưởng bởi tin tức                               | Nhạy với tin tức  | Ít nhạy nếu không có thay đổi lớn về yếu tố cơ bản   |
| Mối quan hệ giữa giá thị trường và giá trị cổ phiếu | Giá thị trường cao hay thấp không đồng nghĩa với giá trị cổ phiếu đắt hay rẻ. | Chênh lệch giữa giá thị trường và định giá là tiềm năng lãi/lỗ của NĐT khi nắm giữ cổ phiếu.<br><b>Giá trị &lt; Giá thị trường: Cơ hội bán</b><br><b>Giá trị &gt; Giá thị trường: Cơ hội mua</b> |

## II. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

1. **Khái niệm: PHÂN TÍCH KỸ THUẬT** là phương pháp phân tích dựa trên dữ liệu thị trường trong quá khứ, đặc biệt là giá và khối lượng, nhằm dự đoán xu hướng giá trong tương lai.

Phân tích kỹ thuật dựa trên 3 giả định chính:

- Mọi thông tin đều phản ánh vào giá,
- Giá vận động theo xu hướng
- Lịch sử luôn lặp lại.

### 2. Các chỉ báo cơ bản trong phân tích kỹ thuật

#### • MA:

- Đường trung bình là công cụ phổ biến và dễ sử dụng trong phân tích kỹ thuật
- Là mức giá bình quân của chứng khoán trong một khoảng thời gian nhất định, phản ánh xu thế của cổ phiếu, chỉ số thị trường
- Đường MA phổ biến: MA(50) và MA (200). Thường khi 2 đường MA này cắt nhau thì sẽ báo hiệu sự thay đổi của xu hướng chung
  - Nếu MA(50) cắt MA (200) từ dưới lên với khối lượng giao dịch lớn, đây sẽ là dấu hiệu giá lên, dấu hiệu mua
  - Nếu MA(50) cắt MA (200) từ trên xuống với khối lượng giao dịch lớn, đây sẽ là dấu hiệu giá xuống, dấu hiệu bán

#### • MACD:

- MACD sử dụng các đường trung bình trượt là các chỉ báo trễ để xác định xu hướng cổ phiếu

- Dấu hiệu xu hướng tăng: MACD cắt đường tín hiệu từ dưới lên trên
- Dấu hiệu xu hướng giảm: MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống dưới
- **RSI:**
  - Chỉ báo RSI là chỉ báo sức mạnh tương đối của cổ phiếu.
  - RSI được biểu hiện dưới dạng dao động từ 0 đến 100 mà ở đó dao động dưới 30 điểm được gọi là quá bán và dao động trên 70 điểm là quá mua.

### III. SO SÁNH PHÂN TÍCH CƠ BẢN VÀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

|                                | Phân tích cơ bản  | Phân tích kỹ thuật  |
|--------------------------------|---|---|
| Cơ sở phân tích                | Dựa trên hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp   | Dựa trên dữ liệu giao dịch trong quá khứ  |
| Mục đích                       | Xác định cổ phiếu đang bị định giá thấp (cơ hội mua) hoặc định giá cao (cần tránh hoặc bán).  | Dự đoán xu hướng giá cổ phiếu trong tương lai và chọn điểm mua/bán.   |
| Dữ liệu sử dụng                | Thông tin, số liệu tài chính về ngành, vĩ mô và doanh nghiệp  | Giá và khối lượng giao dịch trong quá khứ   |
| Quan điểm cốt lõi              | Giá thị trường có thể chưa phản ánh giá trị thật của cổ phiếu, từ đó tạo nên cơ hội đầu tư.   | Mọi thông tin đều đã phản ánh vào giá.  |
| Các công cụ phân tích phổ biến | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các chỉ tiêu tài chính</li> <li>• Các phương pháp định giá cổ phiếu</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Biểu đồ nến, mẫu hình giá</li> <li>• Các chỉ báo kỹ thuật: MA, MACD, RSI,...</li> </ul>  |
| Ưu điểm                        | Xác định được giá trị thực của cổ phiếu. Giúp NĐT hiểu rõ về doanh nghiệp.  | Không phụ thuộc vào Báo cáo tài chính. Nhanh chóng nhận ra xu hướng tăng/giảm trong ngắn hạn. Có thể áp dụng với bất kỳ khung thời gian nào và bất cứ loại tài sản nào. |
| Nhược điểm                     | Mất nhiều thời gian để xử lý thông tin và số liệu. Phản ứng chậm với các biến động thị trường trong ngắn hạn. Khó áp dụng với các doanh nghiệp/ thị trường thiếu minh bạch. | Không quan tâm đến giá trị thực. Dễ bị nhiễu bởi các tín hiệu giả hoặc tâm lý thị trường.   |
| Đối tượng phù hợp              | Nhà đầu tư trung-dài hạn, không theo dõi bảng giá mỗi ngày, ưa thích cổ tức và sự tăng trưởng NAV theo thời gian.   | Nhà đầu tư lướt sóng, theo dõi thị trường thường xuyên, ưa thích tìm kiếm lợi nhuận bằng các giao dịch chênh lệch giá.  |

### IV. QUẢN LÝ RỦI RO DANH MỤC ĐẦU TƯ

#### 1. Rủi ro trong đầu tư

- **Rủi ro** là sự không chắc chắn, không ổn định của mức sinh lời. Khả năng giá trị khoản đầu tư biến động nhiều hơn so với kỳ vọng dù theo chiều tăng hay giảm đều được xem là rủi ro.

- Rủi ro hệ thống:
  - Rủi ro thị trường chung
  - Rủi ro lãi suất
  - Rủi ro lạm phát
  - Rủi ro địa chính trị,...
- Rủi ro phi hệ thống
  - Rủi ro kinh doanh
  - Rủi ro tài chính
  - Rủi ro thanh khoản
  - Rủi ro chiến lược,...
- **Mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư**
  - Lợi nhuận và rủi ro có mối tương quan cùng chiều: Lợi nhuận cao thì rủi ro cao và lợi nhuận thấp thì rủi ro thấp

## 2. Chiến lược quản lý rủi ro danh mục đầu tư

| Chiến lược                          | Mô tả   |
|-------------------------------------|---|
| <b>Đa dạng hóa</b>                  | Phân bổ vào nhiều cổ phiếu, ngành, để giảm rủi ro phi hệ thống                |
| <b>Tái cân bằng danh mục</b>        | Điều chỉnh tỷ trọng tài sản định kỳ để phù hợp với mục tiêu và mức độ rủi ro. |
| <b>Thiết lập giới hạn rủi ro</b>    | Quy định tỷ lệ tối đa cho từng cổ phiếu/loại tài sản.                         |
| <b>Đặt lệnh dừng lỗ (Stop-loss)</b> | Tự động bán khi giá tài sản giảm đến ngưỡng xác định.                         |

---